

Biểu số: 22/STNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT ngày
08/11/2018 của Bộ Tài nguyên
và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/02
năm sau

**NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT
TRONG MÔI TRƯỜNG KHÔNG
KHÍ
(Tại các trạm quan trắc tự động)**

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Sở
Tài nguyên và Môi
trường tỉnh, thành
phố ...

Đơn vị nhận báo
cáo:
- Vụ Kế hoạch - Tài
chính;
- Tổng cục Môi
trường

Đơn vị: $\mu\text{g}/\text{m}^3$ không khí

ST T	Trạm quan trắc	Mã số	Tọa độ		Các thông số quan trắc							
			Kinh độ	Vĩ độ	NO ₂	SO ₂	CO	O ₃	TS P	PM ₁₀	PM _{2,5}	Pb
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trạm quan trắc A											
2	Trạm quan trắc B											
	...											

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

**Biểu số: 22/STNMT. Nồng độ các chất trong môi trường không khí (tại các trạm
quan trắc tự động)**

1. Phạm vi thống kê

Thống kê số liệu quan trắc về nồng độ một số chất trong môi trường không khí bao gồm nitơ đioxit (NO_2), lưu huỳnh đioxit (SO_2), cacbon monoxit (CO), ôzôn (O_3), bụi lơ lửng (TSP), bụi $\leq 10\mu\text{m}$ (PM_{10}), bụi $\leq 2,5\mu\text{m}$ ($\text{PM}_{2,5}$), Chì (Pb) tại các trạm quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong năm báo cáo.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi tên các trạm quan trắc;

Cột C: ghi mã số các trạm quan trắc;

Cột D, E: ghi tọa độ các trạm quan trắc (kinh độ, vĩ độ);

Cột 1 đến cột 8: ghi giá trị quan trắc trung bình năm của mỗi chất NO_2 , SO_2 , CO , O_3 , TSP, PM_{10} , $\text{PM}_{2,5}$, Pb tương ứng với các trạm quan trắc ghi tại cột B.

3. Nguồn số liệu

- Số liệu quan trắc, báo cáo tại các Trạm quan trắc tự động của các Bộ, ngành và địa phương;
- Các chương trình quan trắc chuyên đề, chương trình quan trắc của các Bộ, ngành, địa phương.